BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI VĂN HỌC ANH KHỐI SNA.11

Ngày thi: 19.10.2013 **Phòng thi: E**

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	VHA	Ghi chú
1	Lã Mai	Anh	02.07.1991	SNA.11	0.0	Vắng
2	Ngô Vân	Anh	21.06.1992	SNA.11	7.5	
3	Nguyễn Mai	Anh	07.06.1991	SNA.11	7.0	
4	Vũ Tuấn	Anh	01.11.1992	SNA.11	5.0	
5	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	31.05.1990	SNA.11	0.0	Vắng
6	Nguyễn Thị	Dung	22.05.1991	SNA.11	5.0	
7	Mai Thu	Hà	20.07.1992	SNA.11	5.0	
8	Nguyễn Thái	Hà	18.09.1989	SNA.11	5.0	
9	Nguyễn Thị Thanh	Hà	27.02.1992	SNA.11	5.5	
10	Vũ Thị	Hà	08.09.1991	SNA.11	6.0	
11	Trần Thuý	Hằng	23.12.1992	SNA.11	6.0	
12	Vũ Minh	Hằng	23.05.1991	SNA.11	6.0	
13	Nguyễn Thị	Hạnh	20.12.1991	SNA.11	6.5	
14	Phạm Thị	Hiên	06.01.1992	SNA.11	5.5	
15	Đào Thu	Hiền	20.05.1992	SNA.11	6.0	
16	Hà Thị	Hiền	05.12.1991	SNA.11	6.5	
17	Phạm Thị	Hiền	13.06.1990	SNA.11	6.0	
18	Lê Thị	Hoa	30.01.1992	SNA.11	7.0	
19	Vũ Tuấn	Hưng	15.06.1991	SNA.11	5.0	
20	Nguyễn Thị Diễm	Hương	20.09.1991	SNA.11	7.5	
21	Bùi Quốc	Khánh	02.09.1993	SNA.11	7.0	
22	Trịnh Thị	Khuyên	01.02.1992	SNA.11	5.0	
23	Phạm Thị Bích	Liên	18.03.1992	SNA.11	8.0	
24	Đặng Thị Thuỳ	Linh	08.08.1991	SNA.11	6.0	
25	Nguyễn Thị	Linh	14.07.1992	SNA.11	8.0	
26	Nguyễn Thị Diệu	Linh	21.04.1992	SNA.11	5.0	
27	Tăng Thị Minh	Nga	09.06.1991	SNA.11	6.0	
28	Nguyễn Thị	Ngọc	05.12.1991	SNA.11	6.0	
29	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	21.11.1991	SNA.11	5.0	
30	Nguyễn Thị	Oanh	13.12.1992	SNA.11	7.5	
31	Nguyễn Thu	Phương	11.03.1992	SNA.11	6.0	
32	Vũ Thị	Tâm	10.03.1992	SNA.11	6.0	
33	Nguyễn Thị Thu	Thảo	26.11.1992	SNA.11	0.0	Vắng
34	Đoàn Thị	Thơm	29.04.1992	SNA.11	6.0	
35	Trương Thị Thu	Thuý	01.03.1992	SNA.11	6.0	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI VĂN HỌC ANH KHỐI SNA.11

Ngày thi: 19.10.2013 **Phòng thi: E**

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	VHA	Ghi chú
36	Đặng Thị Như	Trang	09.10.1992	SNA.11	**6.0**	
37	Đồng Thị Minh	Trang	23.08.1992	SNA.11	**6.0**	
38	Nguyễn Minh	Trang	01.01.1992	SNA.11	**5.0**	
39	Nguyễn Thị Huyền	Trang	03.04.1992	SNA.11	**6.0**	
40	Nguyễn Thị Huyền	Trang	03.01.1992	SNA.11	**6.0**	
41	Nguyễn Thị Minh	Trang	26.08.1992	SNA.11	**6.5**	
42	Trần Huyền	Trang	11.11.1990	SNA.11	**6.0**	
43	Vũ Thị Minh	Trang	01.12.1991	SNA.11	**5.0**	
44	Nguyễn Công	Tùng	09.01.1992	SNA.11	**6.0**	
45	Nguyễn Thị	Ước	11.06.1992	SNA.11	**6.5**	
46	Lê Hồng	Vân	02.02.1992	SNA.11	**6.0**	
47	Nguyễn Thị Bích	Vân	31.12.1991	SNA.11	**7.0**	
48	Đỗ Thị	Yến	16.03.1992	SNA.11	**6.5**	
49	Nguyễn Thuận	Yến	09.02.1992	SNA.11	**6.5**	
50	Vũ Ngọc Khánh	Ngân	27.10.1991	SNA.11	**0.0**	**Vắng**
51	Nguyễn Thu	Thủy	01.06.1991	SNA.11	**6.5**	
52	Đàm Thị	Hằng	16.01.1990	SNA.10	**6.0**	
53	Mai Thị Kim	Thanh	25.04.1990	SNA.10	**5.5**	
54	Thân Thị Hoài	Phương	18.06.1990	SNA.10	**5.0**	
55	Vũ Ngọc Khánh	Ngân	27.10.1991	SNA.10	**4.0**	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI VĂN HỌC ANH KHỐI SNA.11

Ngày thi: 19.10.2013 **Phòng thi: E**

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	VHA	Ghi chú
56	Vũ Thị Vân	Anh	16.12.89	1		học phí
57	Nguyễn Thị Thanh	Loan	02.07.80	7		học phí
58	Vũ Minh	Phương	07.08.81	7		học phí
59	Vũ Thế	Quân	24.09.82	5		học phí
60	Phạm Thanh	Trà	12.03.85	7		học phí
61	Bá Thị Hồng	Dung	25.07.86	1		học phí
62	Lê Sỹ	Thoại	10.10.86	4		học phí
63	Nguyễn Thu	Quyên	18.09.83	6		học phí
64	Nguyễn Đình	Cường	27.04.85	5		học phí
65	Trịnh Thúy	Nga	06.09.88	2		học phí
66	Lê Văn	Thơ	08.10.84	3		học phí